

# An ninh tài chính đối với hoạt động của Ngân hàng Thương mại nhằm phát triển kinh tế khu vực ven biển Duyên hải Bắc Bộ \*

TS. Nguyễn Thị Lan

*Chiến lược phát triển kinh tế biển từ nay đến năm 2020 của Việt Nam đã được xác định rõ trong Nghị quyết 4 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam khóa X: “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” với mục tiêu “kinh tế biển đóng góp 53 - 55% GDP, 55 - 60% kim ngạch xuất khẩu của cả nước, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện một bước đáng kể đời sống của nhân dân vùng biển và ven biển. Nhận thức rõ về vấn đề này, Chính phủ đã có chương trình hành động thực hiện nghị quyết trung ương 4 về phát triển kinh tế biển đảo, trong đó tập trung vào bốn lĩnh vực: thăm dò khai thác và chế biến các sản phẩm dầu khí; phát triển hệ thống cảng biển, vận tải biển, kinh tế hàng hải và công nghiệp đóng tàu; khai thác đánh bắt thủy sản; phát triển du lịch và kinh tế đảo. Theo ước tính, quy mô kinh tế (GDP) biển và vùng ven biển Việt Nam bình quân đạt khoảng 47-48% GDP cả nước, trong đó GDP của kinh tế “thuần biển” đạt khoảng 20-22% tổng GDP cả nước. Trong các ngành kinh tế biển, đóng góp của các ngành kinh tế diễn ra trên biển chiếm tới 98%, chủ yếu là khai thác dầu khí, hải sản, hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển), du lịch biển. Các ngành kinh tế có liên quan trực tiếp tới khai thác biển như đóng và sửa chữa tàu biển, chế biến dầu khí, chế biến thủy, hải sản, thông tin liên lạc,... bước đầu phát triển, nhưng hiện tại quy mô còn rất nhỏ bé (chỉ chiếm khoảng 2% kinh tế biển và 0,4% tổng GDP cả nước), song trong tương lai sẽ có mức gia tăng nhanh hơn.*

Để phát triển kinh tế theo hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xác định vị trí quan trọng đặc biệt của kinh tế biển đối với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, chủ quyền lãnh hải và lợi ích quốc gia trên biển.

Đó là: Xây dựng Việt Nam trở thành một quốc gia mạnh về kinh tế biển, có cơ cấu kinh tế hiện đại, thực sự là động lực thúc đẩy kinh tế cả nước phát triển với tốc độ nhanh. Tạo ra sự kết hợp kinh

tế ven biển, kinh tế trên biển và kinh tế hải đảo với các khu vực nội địa để phát triển nhanh, ổn định và bền vững.

Mở cửa, hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế biển và vùng ven biển một cách toàn diện. Phát huy triệt để và có hiệu quả các nguồn lực bên trong, kết hợp với tranh thủ sự hợp tác và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài theo nguyên tắc cùng có lợi, tôn trọng chủ quyền và trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa, hội nhập.

Kinh tế biển là nơi giao lưu thương mại, đầu tư, hội

nhập thông qua hệ thống cảng biển. Đây là một lĩnh vực kinh tế biển cực kỳ quan trọng trong nền kinh tế biển của các quốc gia. Để phát triển được kinh tế biển góp phần vào tăng trưởng kinh tế bền vững thì các ngành dịch vụ như Ngân hàng, bảo hiểm giữ một vị trí vô cùng quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên, trong khi hội nhập kinh tế và tự do hóa toàn cầu đang mở rộng như hiện nay thì an ninh tài chính trong các ngân hàng thương mại là điều không thể thiếu được.

An ninh tài chính quốc gia là một khái niệm chỉ tình trạng

\* Bài tham gia Hội thảo khoa học tại Học viện Tài chính kinh tế Quảng Tây Trung Quốc

tài chính quốc gia ổn định, an toàn, vững mạnh và không bị khủng hoảng.

An ninh tài chính quốc gia bao hàm an ninh trên ba lĩnh vực: tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp và tài chính dân cư.

Ổn định được hiểu là duy trì được hoạt động bình thường, không có những biến động đột ngột, thất thường. Tuy nhiên, cần hiểu sự ổn định trong sự vận động và phát triển. Ổn định không có nghĩa là cố gắng giữ nguyên mọi thứ như cũ mà là giữ được ổn định trong tiến trình phát triển đi lên, không ngừng cải tiến và hoàn thiện. Ổn định tài chính là rất quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và không thể có ổn định kinh tế nếu thiếu hệ thống tài chính lành mạnh. Nếu quản lý kinh tế vĩ mô mạnh, song hệ thống tài chính yếu thì có thể làm mất ổn định nền kinh tế, làm cho nền kinh tế dễ bị tổn thương do những cú sốc từ bên ngoài và có thể đe dọa thị trường tài chính toàn cầu.

An toàn được hiểu là trạng thái không bị nguy hiểm từ phía các tác động bên trong và bên ngoài. Giữ được an toàn đồng nghĩa với không tự mình gây hại cho mình, đồng thời ngăn chặn và chống lại được sự phá hoại từ bên ngoài. Nếu ổn định là tiền đề có tính chất nền tảng thì an toàn là cốt lõi, chi phối toàn bộ quá trình vận động của tình trạng tài chính.

Vững mạnh là cơ sở cho sự ổn định và bảo đảm an toàn.

Khủng hoảng tài chính là kết quả nặng nề nhất và phản ánh mức cao nhất của sự mất an ninh tài chính hay là mặt trái của an ninh tài chính, tránh được khủng hoảng tài chính là mục tiêu tối thượng của mọi giải pháp bảo đảm an ninh tài chính.

Tài chính quốc gia, theo nghĩa rộng, bao hàm toàn bộ nền tài chính vĩ mô của một nước có chủ quyền và Nhà nước đóng vai trò là chủ thể quản lý nền tài chính vĩ mô. Theo nghĩa hẹp, tài chính quốc gia hay tài chính nhà nước là bộ phận của nền tài chính vĩ mô thuộc quyền quản lý và điều tiết trực tiếp của Nhà nước, bao gồm ngân sách nhà nước và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

An ninh tài chính quốc gia là duy trì sự ổn định, an toàn và vững mạnh của thu chi ngân sách nhà nước, giữ thâm hụt ngân sách nhà nước ở mức hợp lý, bảo đảm cân đối tài chính cho các quỹ ngoài ngân sách, kiểm chế nợ chính phủ ở mức độ an toàn và duy trì khả năng trả nợ, không lâm vào tình trạng vỡ nợ.

An ninh tài chính doanh nghiệp (bao gồm cả tài chính ngân hàng và các trung gian tài chính phi ngân hàng như bảo hiểm, tín dụng thuê mua, công ty chứng khoán, công ty môi giới, quỹ chứng khoán,...) là

cốt lõi của an ninh tài chính vì tài chính doanh nghiệp là cơ sở của tài chính quốc gia. An ninh tài chính của các doanh nghiệp phi tài chính có tầm ảnh hưởng phụ thuộc vào quy mô của nó. Doanh nghiệp có quy mô càng lớn thì việc bảo đảm an ninh tài chính của doanh nghiệp càng có tầm quan trọng đối với bảo đảm an ninh tài chính quốc gia. Các doanh nghiệp tài chính, kể cả ngân hàng và phi ngân hàng, hoạt động trên thị trường tài chính – tiền tệ có mối liên hệ rộng lớn với nhiều khách hàng nên mức độ rủi ro cao. Chính vì vậy, an ninh tài chính của khu vực doanh nghiệp tài chính cần được chú ý đặc biệt.

An ninh tài chính cá nhân (dân cư – hộ gia đình) biểu hiện ở khả năng tiết kiệm và tích lũy của các hộ gia đình. Tài chính dân cư không an ninh khi thu nhập không đủ cho các nhu cầu thiết yếu và không có khoản để dành dự phòng cho các trường hợp bất trắc. Tiết kiệm vốn là truyền thống của các nước Á Đông, trong đó có Việt Nam, song do thu nhập bình quân đầu người còn thấp nên các khoản tiết kiệm nhỏ bé, hiệu quả kinh tế thấp. Bên cạnh đó, yếu tố bất bình đẳng trong thu nhập, trong phân phối và phân phối lại thu nhập cho các tầng lớp dân cư cũng như phân hóa giàu nghèo quá mức cũng là nguyên nhân làm xấu đi tình trạng tài chính dân cư, có thể gây ra sự “bùng nổ”,

làm mất an ninh của khu vực tài chính này. Khoảng cách ngày càng lớn giữa thu nhập danh nghĩa với thu nhập chính thức của một bộ phận dân cư, cũng như việc sử dụng tiền mặt phổ biến trong các hoạt động thanh toán, không chỉ trong dân cư mà còn trong toàn bộ hoạt động tài chính làm cho tài chính dân cư càng khó kiểm soát là có an ninh hay không. An ninh tài chính dân cư còn được biểu hiện và biểu hiện rõ nhất ở những quan hệ tài chính trong cộng đồng, nổi bật là các quan hệ vay mượn, liên kết kinh tế, thanh toán, ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế... và hoạt động của tài chính “ngầm”, thị trường tài chính “đen”. Việc vỡ “hụi”, vỡ “họ”, chiếm dụng vốn của nhau, cho vay nặng lãi, “bắt nợ”, “xiết nợ”... ảnh hưởng rất xấu tới khả năng bảo đảm an ninh tài chính dân cư.

An ninh tài chính - tiền tệ là một bộ phận cấu thành của an ninh kinh tế. Bảo vệ an ninh tài chính - tiền tệ là việc thực hiện những nhiệm vụ phòng ngừa, đấu tranh giữ vững sự an toàn các hoạt động của hệ thống tài chính - tiền tệ.

Ở mỗi nước, an ninh kinh tế - trong đó có an ninh tài chính - tiền tệ là những thành tố quan trọng của an ninh quốc gia. An ninh tài chính - tiền tệ có mối quan hệ biện chứng với các lĩnh vực an ninh khác trong an ninh kinh tế cũng như nhiều

lĩnh vực an ninh quân sự, an ninh chính trị...

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế là xu thế phổ biến, an ninh tài chính - tiền tệ cũng phải chịu những tác động của hệ thống tài chính quốc tế, nhất là trong thời kỳ có nhiều biến động như hiện nay.

Các định chế tài chính quốc tế lớn như IMF (Quỹ Tiền tệ quốc tế) và WB (Ngân hàng Thế giới) lần này cũng không đủ sức để “giải cứu” cuộc khủng hoảng. Một số nước như Iceland, Hungary, Ucraina và Pakistan đã gõ cửa IMF và chưa được ứng cứu kịp thời...

Có một điều mà chúng ta có thể bớt lo lắng là sự phản ứng nhanh chóng nhằm ngăn chặn cơn bão tài chính đang diễn ra từ hầu hết các nước trên thế giới. Những biện pháp khẩn cấp “giải cứu” mang tính chất quốc tế cũng tăng lên và có hiệu quả hơn trước.

Các nước đã nhanh chóng rút ra những bài học từ cuộc khủng hoảng tài chính lần này như tăng cường quản lý hoạt động ngân hàng, tín dụng, nâng cao hiệu quả quản lý và sự can thiệp kịp thời của Nhà nước, định hướng tiêu dùng của xã hội theo chiều tích cực...

“Kế hoạch hành động nhanh” của Hội nghị Thượng đỉnh tài chính nhóm G-20 tại Washington - Mỹ trung tuần

tháng 11-2008 (gồm 20 quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất thế giới, chiếm 85% nền kinh tế toàn cầu), nhằm đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thống nhất quan điểm về việc cần phải có các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng, có các quy định phù hợp đối với thị trường tài chính với sự tham gia ngày càng lớn và quan trọng của những nền kinh tế mới nổi lên. Các nước đã nhất trí rằng thế giới cần có một cơ cấu tài chính mới để thích ứng với thế kỷ XXI.

Ngân hàng trung ương các nước đã ra tay, quyết định hạ lãi suất, bơm tiền kích cầu để ngăn chặn sự sụp đổ của kinh tế. Đó là một trong những giải pháp cần thiết để bảo đảm an ninh tài chính - tiền tệ ở cấp độ quốc gia và có tác động tích cực đến tài chính toàn cầu. Hàng ngàn tỉ USD, euro... dự trữ đã được đem ra sử dụng.

Đối với Việt Nam, khủng hoảng tài chính - tiền tệ toàn cầu năm 2008 đã tác động không nhỏ đến sự ổn định của an ninh tài chính - tiền tệ nói riêng và tốc độ tăng trưởng của kinh tế. Những dòng vốn lưu chuyển lòng vòng từ chứng khoán sang bất động sản, rồi vàng và lại chui vào các ngân hàng.

An ninh tài chính đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) không phải là một khái niệm hoàn toàn mới, nhất là an ninh tài

chính trong điều kiện kinh tế - tài chính mới - toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Vấn đề an ninh tài chính đối với hoạt động của các NHTM gắn bó chặt chẽ với những điều kiện đặc thù ở các thành viên đang phát triển ít được đề cập, trong khi đây lại chính là khu vực rất dễ bị tổn thương do sức mạnh, kinh nghiệm thiếu và yếu hơn rất nhiều so với NHTM ở các thành viên phát triển của WTO.

Theo đó, an ninh tài chính đối với hoạt động của các NHTM là việc bảo đảm hoạt động của các NHTM được tiến hành một cách ổn định, an toàn, vững mạnh và không bị khủng hoảng. Bốn nguyên tắc đó được sử dụng cho các hoạt động ngân hàng cơ bản là nhận tiền gửi và cho vay của các ngân hàng. Nhiều nhà kinh tế quốc tế cho rằng mâu thuẫn lớn nhất của ngân hàng và hoạt động ngân hàng là mâu thuẫn giữa mục tiêu lợi nhuận cao và mục tiêu tính thanh khoản cao.

An ninh tài chính của ngân hàng là trạng thái các tài sản (tài sản nợ, tài sản có và tài sản ròng) ổn định, an toàn, vững mạnh và không khủng hoảng; biểu hiện trạng thái bền vững của các hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Bảo đảm an ninh tài chính đối với hoạt động của các NHTM nói chung và của một ngân hàng nói riêng là việc sử dụng các biện pháp giữ cho các tài sản

của ngân hàng đó luôn luôn ổn định, an toàn, vững mạnh và không khủng hoảng. Thiết lập được mạng lưới an ninh có khả năng phòng ngừa, ứng phó kịp thời, nhanh nhạy, hiệu quả đối với các loại hình tội phạm kinh tế trong lĩnh vực ngân hàng ngày càng phát triển với hình thức ngày càng đa dạng, phức tạp, tính chất mức độ vi phạm ngày càng tinh vi.

An toàn tiền gửi là khả năng ngân hàng luôn luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tiền của người gửi mà không rơi vào tình trạng nguy hiểm. Để đảm bảo trạng thái sẵn sàng chi trả này ngân hàng cần duy trì dự trữ bắt buộc và cả dự trữ quá mức. Trường hợp dự trữ không đủ ngân hàng buộc phải bán các khoản vay của mình. An toàn cho vay thể hiện ở việc các khoản vay đã, đang và sẽ thường xuyên được hoàn trả đúng hạn với lãi suất theo đúng hợp đồng tín dụng mà công cụ then chốt là quản lý rủi ro, đa dạng hóa và đảm bảo tiền vay. Để đo lường mức độ an toàn cho vay người ta áp dụng các biện pháp quản lý tài sản có trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro của từng khoản vay, từ đó tổng hợp thành chỉ số rủi ro cho vay chung của ngân hàng hay của hệ thống. Mỗi hợp đồng tài chính chứa đựng rủi ro tín dụng, rủi ro về giá và rủi ro về tính thanh khoản.

Tiền gửi ngân hàng chiếm vai trò chủ yếu trong tổng vốn huy động, đặc biệt là đối với

các NHTMCP rất chú trọng huy động tiền gửi với tỷ lệ trong tổng vốn huy động tăng liên tục trong các năm. Tiền gửi nói riêng và huy động vốn ngân hàng nói chung tăng liên tục là do nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là do sự ổn định kinh tế vĩ mô, nhất là tỷ lệ lạm phát thấp, tỷ giá tương đối ổn định; Tập quán tiết kiệm của người Việt và niềm tin vào hệ thống ngân hàng khi được Chính phủ bảo trợ trong lúc khó khăn.

Diễn biến tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng ngày càng trở nên phức tạp với nhiều thủ đoạn tinh vi, nhất là, phát sinh một số loại tội phạm mới. Tội phạm về tàng trữ, vận chuyển và lưu hành tiền giả có xu hướng tăng hơn với tính chất nguy hiểm, liều lĩnh hơn, đui hời sự cảnh giác cao độ của ngành ngân hàng và các cơ quan liên quan. Gần đây, xuất hiện nhiều bọn tội phạm liên quan công nghệ cao như truy cập vào mạng của ngân hàng để biến thủ tiền trên tài khoản, làm thẻ giả để rút tiền, tội phạm rửa tiền qua hệ thống thanh toán, chuyển tiền...

### Một số giải pháp

**Thứ nhất,** Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và giáo dục sâu rộng, có hệ thống trong nhân dân nhằm nâng cao và tạo ra sự chuyển biến thực sự trong ý thức của tất cả các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò

chiến lược của biển. Tư duy về biển phải được thể hiện đậm nét trong các chính sách phát triển của những ngành có liên quan và các địa phương có biển trong giai đoạn sắp tới. Ý thức về biển phải được tất cả các ngành và các cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương có biển quan tâm thường xuyên. Đặc biệt đối với ngành ngân hàng, một khâu dịch vụ quan trọng đối với sự phát triển của vùng kinh tế ven biển duyên hải.

Hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh ở mỗi vùng, miền. Ở vùng biển phía Bắc, cùng với việc hợp tác với Trung Quốc xây dựng vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, cần đẩy nhanh tốc độ xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, các khu kinh tế Hải Hà, Vân Đồn, nối với Hạ Long, Hải Phòng và xây dựng tuyến đường cao tốc ven biển vùng đồng bằng Bắc Bộ, tạo ra một sức bật mới, mạnh mẽ của cả vùng để kết nối với 2 tuyến hành lang cùng đẩy nhanh tốc độ phát triển.

**Thứ hai,** giải quyết vấn đề vốn cho ngân hàng, cần cấp đủ vốn điều lệ cho các NHTM Nhà nước, bảo đảm tiềm lực tài chính thật sự cho các ngân hàng này, xứng đáng là trụ cột trong hệ thống ngân hàng thương mại nước ta; tiến hành cổ phần hóa các NHTM Nhà nước để tăng vốn cho các ngân hàng này, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh và cải thiện tổ

chức quản lý. Buộc các NHTM cổ phần (CP) nhanh chóng đáp ứng các tiêu chuẩn về vốn thông qua tăng vốn cổ phần, tổ chức lại các ngân hàng yếu kém, tiến hành sáp nhập, hợp nhất các NHTM CP nhỏ. Ngân hàng Nhà nước cần thực hiện một cách quyết đoán và kiên định các hình thức sắp xếp lại, đóng cửa, hợp nhất, sáp nhập.

**Thứ ba,** xử lý các khoản nợ khó đòi tồn đọng, biện pháp đầu tiên là thường xuyên tiến hành phân loại nợ khó đòi theo đối tượng vay, theo chức năng mục đích sử dụng của các khoản vay, theo tính chất và nguyên nhân khó đòi, theo khả năng thu hồi nợ khó đòi hay theo thời gian quá hạn để làm cơ sở cho những giải pháp tương ứng.

**Thứ tư,** tăng cường quản lý cho vay, để giảm rủi ro tín dụng, trước khi quyết định cho vay các ngân hàng cần tiến hành đánh giá hiệu quả và rủi ro của khoản vay đó. Thực chất quản lý cho vay của các ngân hàng là quản lý rủi ro các khoản cho vay. Trong trào lưu quốc tế hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, các ngân hàng của Việt Nam cần nhanh chóng tham khảo, học hỏi kinh nghiệm để đưa các sản phẩm phát sinh vào thị trường tài chính một cách an toàn, bổ sung thêm một loại công cụ bảo đảm an ninh tài chính.

Bên cạnh các phương pháp đánh giá rủi ro truyền

thống, mới đây Ủy ban Basle kiến nghị áp đặt mức vốn dựa trên xếp hạng tín nhiệm người đi vay của các cơ quan đánh giá độc lập. Các NHTM phải có ngay các giải pháp để chấn chỉnh, chấp hành nghiêm các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng theo các quy định của pháp luật.

**Thứ năm,** thiết lập và củng cố các quỹ liên quan bảo đảm an ninh tài chính trong hoạt động ngân hàng như Dự trữ bắt buộc; Bảo hiểm tiền gửi và trích lập dự phòng rủi ro. Các Tổ chức tín dụng cần được đánh giá, xếp hạng chất lượng hoạt động mang tính khoa học và thực tiễn cao theo thông lệ quốc tế và phù hợp nhu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá, xếp hạng cho từng tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần tăng cường công tác giám sát tính tuân thủ, phân loại và xếp loại rủi ro. Trên cơ sở đó, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chuyển từ cơ chế thu phí-bảo hiểm tiền gửi đồng hạng sang thu phí theo cơ chế phân loại rủi ro, áp dụng cho từng tổ chức, từng khoản phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi.

**Thứ sáu,** hoàn thiện hệ thống giám sát ngân hàng và công khai hóa tài chính, tăng cường công tác kiểm soát và kiểm toán nội bộ NHTM. Sự phối hợp quốc tế trong giám sát tài chính ngày càng trở nên cấp thiết khi các ranh giới chính trị - địa lý trở nên ít liên

quan khu vực tài chính dưới tác động của toàn cầu hóa, các tổ chức ngân hàng quốc tế ngày càng tăng về quy mô và số lượng, tốc độ liên kết kinh tế quốc tế ngày một nhanh hơn, nhu cầu phối hợp quốc tế trong thanh toán cũng tăng lên trước các rủi ro về hối đoái. Muốn giám sát tốt cần giải quyết bốn vấn đề cơ bản: Tổ chức hệ thống giám sát; Thiết lập hệ thống chỉ tiêu giám sát; Quyền lực của cơ quan giám sát; Chi phí giám sát. Các NHTM cần ban hành kịp thời đầy đủ các quy chế, quy trình nghiệp vụ phù hợp sự gia tăng các dịch vụ ngân hàng, đặc biệt chú ý đến quy chế kiểm soát và phòng ngừa rủi ro chặt chẽ trong nội bộ NHTM, có tính đến các yếu tố cạnh tranh, tự do hóa các giao dịch tài chính, ngân hàng. Xây dựng bộ máy, đội ngũ kiểm soát, kiểm toán nội bộ NHTM làm việc đạt hiệu quả cao, hoạt động độc lập tăng cường kiểm soát trực tuyến, cập nhật kịp thời những lĩnh vực có rủi ro cao, phòng ngừa trước những lĩnh vực nhạy cảm có thể gây rủi ro đến hoạt động ngân hàng. Tăng cường công tác kiểm toán độc lập bắt buộc các NHTM, bảo đảm các hoạt động minh bạch, giúp công tác quản trị, điều hành, quản lý chính xác, an toàn.

**Thứ bảy,** giải pháp liên kết, các tổ chức tín dụng (TCTD) nên có biện pháp cùng nhau xây dựng mối liên hệ thông tin; xây dựng mối liên

hệ giữa các ngân hàng thương mại với nhau, giữa các ngân hàng với các định chế tài chính khác. Làm được điều này sẽ giúp các TCTD ở những khía cạnh: có được những thông tin tốt về nhìn nhận đánh giá các khách hàng đúng đắn hơn; ngăn ngừa sự ham muốn mưu lợi bất chính của khách hàng; nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của các TCTD với nhau; tăng mối đoàn kết trong cộng đồng TCTD, việc này cho đến nay vẫn chưa được nhìn nhận một cách thấu đáo, thậm chí đã có một số bộ phận giữa các TCTD với nhau gây tai tiếng cho nhau để cạnh tranh không lành mạnh, gây tổn thương sự ổn định của cả hệ thống NHTM; tạo thêm năng lực cạnh tranh khi Việt Nam gia nhập WTO, làm thống nhất trong một số nghiệp vụ cho vay hay chính sách tín dụng hoặc chính sách lãi suất nhằm giảm bớt sự biến động không nên có trên thị trường tài chính tiền tệ; tạo niềm tin cho khách hàng khi bước chân đến bất cứ một TCTD nào.

**Thứ tám,** phát triển, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an ninh, an toàn trong các giao dịch điện tử.

**Thứ chín,** Kiểm soát chặt chẽ các phương tiện truyền thông, đặc biệt là trong việc tuyên truyền sử dụng các công cụ tiền tệ và tài khoá. Tất cả các khía cạnh của an ninh kinh

tế trong quá trình hội nhập, đặc biệt trong bối cảnh khủng hoảng có mối quan hệ chặt chẽ với an ninh thông tin. Thông tin, truyền thông có vai trò và tác động tâm lý rất lớn đối với đông đảo công chúng và bộ máy quản lý kinh tế. Thông qua truyền thông, cơ quan quản lý, điều hành có điều kiện tuyên truyền, giải thích rõ các vấn đề đang diễn ra, lộ trình giải quyết và huy động nguồn lực xã hội hợp lý. Truyền thông cũng góp phần tạo ra sự đồng thuận giữa các tác nhân kinh tế, tinh thần đoàn kết vượt qua khó khăn, giữ vững ổn định xã hội và an ninh kinh tế.

**Thứ mười,** các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ngân hàng.

Để các giải pháp nêu trên được áp dụng có hiệu quả vào hoạt động ngân hàng ở nước ta, các nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu, nhà điều hành thực tiễn cần cụ thể hóa cho từng tổ chức, từng ngân hàng, từng nghiệp vụ. đồng thời, mỗi tổ chức xây dựng cho mình một giải pháp liên kết giữa các giải pháp. Xây dựng một chương trình triển khai giải pháp tổng thể trong toàn hệ thống về an ninh tài chính NHTM để bảo đảm hệ thống ngân hàng Việt Nam hoạt động ngày càng an toàn, ổn định, hiệu quả và phát triển bền vững nền kinh tế nói chung và kinh tế cửa biển vùng Duyên hải Bắc Bộ nói riêng.